

SINH KẾ CỦA NGƯỜI HÔNG Ở HUYỆN BIÊN GIỚI HOÀNG SU PHÌ, TỈNH HÀ GIANG¹

ThS. Lê Thị Thỏ
CN. Nguyễn Thị Thu
Viện Dân tộc học

Tóm tắt: Hoàng Su Phì là huyện vốn có lợi thế về đất đai, khí hậu mà bao đời nay người Hmông đã gắn bó, chinh phục bằng chính sự cần cù, sáng tạo và được tiếp nối từ thế hệ này sang thế hệ khác. Từ Đổi mới (năm 1986) đến nay, đời sống của nhiều tộc người ở vùng biên giới, trong đó có người Hmông ngày càng được cải thiện, thể hiện một phần qua cách thức liên quan tới hoạt động mưu sinh. Bên cạnh hoạt động sinh kế chủ đạo là canh tác nương rẫy kết hợp với cày cấy trên những thửa ruộng bậc thang, người Hmông nơi đây còn có một số hoạt động sinh kế mang tính bổ trợ như: chăn nuôi, nghề thủ công, trao đổi, buôn bán và khai thác nguồn lợi tự nhiên. Dưới tác động của các chương trình, chính sách hỗ trợ của Nhà nước, những hoạt động sinh kế này đang có sự chuyển biến tích cực, không còn bó hẹp ở chức năng sản xuất tự cung tự cấp mà đã có tích lũy và tiêu thụ sản phẩm gắn với thị trường.

Từ khóa: Sinh kế, người Hmông, Hoàng Su Phì, biên giới.

Ở đầu

Hoàng Su Phì là một huyện biên giới phía Tây của tỉnh Hà Giang, phía Bắc giáp Trung Quốc, phía Nam và Đông Nam giáp huyện Bắc Quang và huyện Quang Bình, phía Đông giáp huyện Vị Xuyên, phía Tây giáp huyện Xín Mần. Huyện gồm 1 thị trấn và 24 xã. Diện tích tự nhiên của huyện là 63.303,34ha; trong đó: đất nông nghiệp 11.075ha; đất lâm nghiệp 26.427,2ha; đất khác 257,6ha. Theo số liệu của Chi cục thống

kê huyện Hoàng Su Phì, đến tháng 12/2015, toàn huyện có 65.426 người với 12 dân tộc cùng cư trú, gồm: Nùng, Dao, Tày, Hmông, La Chí, Cơ Lao, Kinh, Hoa,... Trong đó, dân tộc Hmông có 8.161 người, phân bố cư trú ở 20/25 xã/thị trấn; các xã như Chiến Phố, Thèn Chu Phìn, Túng Sán, Tả Sử Choóng, Bản Páo, Thàng Tín, Nậm Ty... có số lượng người Hmông đông hơn, khoảng từ 500 đến 1.000 người.

Đến nay, đã có không ít tác giả nghiên cứu về người Hmông và hoạt động kinh tế của tộc người này, như: Vương Duy Quang (1987; 2005), Bế Việt Đăng (1989), Nguyễn Anh Ngọc (1989), Cư Hòa Văn và Hoàng

¹ Bài viết này là một phần kết quả nghiên cứu của đề tài khoa học cấp cơ sở năm 2016 của Viện Dân tộc học: *Biến đổi kinh tế - xã hội của tộc người Hmông ở huyện Hoàng Su Phì, tỉnh Hà Giang*, do ThS. Lê Thị Thỏ và CN. Nguyễn Thị Thu đồng chủ nhiệm đề tài.

Nam (1994), Nguyễn Văn Minh (1994), Phạm Quang Hoan (1994; 2000), Trần Hữu Sơn (1993; 1996), Nguyễn Đức Thắng (1998), Nguyễn Quốc Khương (2001), Nguyễn Văn Thắng (2002), Vương Xuân Tình (2003),... Song, viết về người Hmông ở huyện Hoàng Su Phì, tỉnh Hà Giang còn chưa nhiều. Kết quả tra cứu tại Thư viện Viện Dân tộc học cho thấy, chỉ có tác giả Vương Xuân Tình nghiên cứu về người Hmông ở địa bàn này với bài viết “Hệ thống thức ăn của người Hmông trong bối cảnh an toàn lương thực”, đã điếm qua hoạt động sinh kế của người Hmông ở bản Nậm Piên, xã Nậm Ty. Do đó, bài viết hi vọng góp phần bổ sung thêm nguồn tư liệu mới về sinh kế của người Hmông ở huyện Hoàng Su Phì qua khảo sát thực địa tại các thôn Đoàn Kết, Nhìu Sang (xã Chiến Phố) và Lũng Chìn Hạ (xã Thèn Chu Phìn).

Theo số liệu năm 2016, xã Chiến Phố có 3.571 người gồm 5 dân tộc (Nùng, Hmông, Dao, Kinh, Tày). Trong đó, dân tộc Hmông có 1.317 người, cư trú ở 4/10 thôn là Đoàn Kết, Nhìu Sang, Chiến Phố Thượng và Mỏ Phìn. Thèn Chu Phìn thuộc xã biên giới của huyện, có 2 tộc người cùng cư trú là Nùng và Hmông với dân số 1.635 người; trong đó, người Hmông có 1.379 người, phân bố ở 3/4 thôn là Cáo Phìn, Lũng Chìn Hạ, Lũng Chìn Thượng. Các thôn được chọn nghiên cứu tập trung 100% người Hmông với quy mô số hộ khá đông, như: Đoàn Kết (70 hộ), Nhìu Sang (81 hộ), Lũng Chìn Hạ (88 hộ). Nhìn chung, tỷ lệ hộ nghèo (theo tiêu chí mới năm 2016) ở những thôn này còn tương đối cao, khoảng 40%.

1. Các hoạt động sinh kế

1.1. Trồng trọt

Hoạt động trồng trọt hiện nay đã có nhiều chuyển biến về cơ cấu cây trồng, kỹ

thuật chăm sóc, đem lại sản lượng và năng suất cao hơn trước đây. Người Hmông ở Hoàng Su Phì trồng trọt chủ yếu trên nương và ruộng bậc thang. Trên nương, ngoài ngô và sắn là những cây trồng chính, đồng bào còn trồng các loại cây rau và màu. Trước năm 1986, có thêm lúa nương, bởi đây là cây lương thực chính. Bên cạnh đó, cây thuốc phiện từng có vị trí quan trọng trong đời sống kinh tế tộc người và được đồng bào duy trì, nhân rộng trên các triền nương hay vườn nhà trong thời gian dài, nhưng nhiều năm trở lại đây, cây thuốc phiện cơ bản đã được xóa bỏ khỏi hệ thống cây trồng.

So với cây lúa lai, ngô lai được trồng muộn hơn, nếu từ năm 1995, giống lúa lai thay thế giống lúa địa phương thì sau năm 2005, giống ngô lai mới được người Hmông đưa vào trồng đại trà mỗi năm 2 vụ, sản phẩm phục vụ cho chăn nuôi và để bán. Giống ngô lai hiện tại được bà con trồng là NK 66, tuy năng suất gấp đôi giống ngô địa phương nhưng việc bảo quản khó khăn hơn, hay bị mối mọt và ẩm mốc nên giá thành thấp. Người Hmông ở thôn Đoàn Kết trồng cả giống ngô địa phương và giống lai; với hộ ít đất, họ chỉ trồng giống mới. So với ngô thì cây sắn ít tốn công chăm sóc, nương sắn có thể để quanh năm và được thu hoạch khi gia đình có nhu cầu. Ngoài ra, người Hmông nơi đây còn chú trọng trồng các loại rau và màu như bí ngô, củ cải, rau cải, bầu, bắp cải, lạc, đậu tương,... Trước đây, họ trồng những loại cây này để phục vụ nhu cầu gia đình và chăn nuôi gia súc, ít khi đem ra chợ bán. Gần đây, cây củ cải ở Hoàng Su Phì trở thành sản phẩm hàng hóa, đem lại thu nhập. Người Hmông ở các thôn Đoàn Kết và Nhìu Sang gieo trồng củ cải trên nương sau khi thu hoạch ngô vào khoảng tháng 7, tháng 8 âm lịch. Đặc biệt, ở thôn Nhìu Sang

hầu như hộ nào cũng trồng cây củ cải, có đến 7- 8 hộ cho thu nhập 10 triệu đồng từ bán củ cải mỗi năm.

Diện tích ruộng bậc thang có xu hướng tăng lên, theo ý kiến của một số người dân tại các thôn được nghiên cứu, hầu như hộ nào cũng có ít nhất từ 5 sào trở lên², hộ nhiều khoảng 1 - 2 mẫu³. Người Hmông ở đây cấy lúa 1 vụ, mỗi hộ trung bình gieo cấy từ 5kg đến 20kg lúa giống. Theo âm lịch, họ gieo mạ vào tháng 4 - 5 để cấy vào tháng 5 - 6, chăm sóc đến tháng 8 - 9 thì thu hoạch. Kỹ thuật làm ruộng bậc thang của người Hmông cũng giống như người Dao hay người Nùng ở cùng địa phương, họ phải linh hoạt, thích nghi với địa hình từ các khâu làm đất, gieo cấy... đến thu hoạch. Hiện nay, ngoài việc dùng cuốc khai khẩn những thửa ruộng bậc thang men theo sườn núi, người Hmông còn sử dụng máy cuốc để mở rộng thêm diện tích ruộng hoặc san các thửa ruộng nhỏ thành ruộng lớn. Đối với khâu làm đất, ngoài dùng trâu làm sức kéo thì việc sử dụng máy cày, bừa bắt đầu được một số hộ thực hiện thí điểm. Trước năm 1986, giống lúa địa phương cho năng suất thấp, người Hmông thiếu gạo ăn, phải ăn mèn mèn. Từ 20 năm trở lại đây, giống lúa lai được đưa vào sản xuất cho năng suất cao gấp đôi giống lúa địa phương nên không còn tình trạng thiếu đói. Bên cạnh phân chuồng và phân xanh, người dân sử dụng các loại phân hóa học như: đạm, lân, kali... mua tại trung tâm xã hoặc chợ huyện Hoàng Su Phì. Ngoài ra, còn mua phân bón của Trung Quốc dùng bón lót, khử chua đất khi cấy.

Nằm trong vùng rừng đặc dụng Tây Côn Lĩnh cao trên 2.200m so với mực nước

² 1 sào bằng 360m²

³ 1 mẫu bằng 3.600m²

biển với những khu rừng nguyên sinh, người Hmông ở xã Thèn Chu Phìn còn có điều kiện trồng cây thảo quả. Thảo quả dùng làm gia vị hoặc chế biến thuốc đông y, thích hợp phát triển dưới những tán rừng già, rừng nguyên sinh, có độ ẩm cao, khí hậu mát. Vì vậy, loại cây này đem lại giá trị kinh tế đáng kể cho hộ gia đình người Hmông nơi đây. Thu nhập từ thảo quả giúp người Hmông thoát nghèo hiệu quả. Trước đây, họ gieo hạt để cây mọc tự nhiên nhưng năng suất thấp, gần đây đã chuyển sang trồng giống lai cho năng suất ổn định. Giá thảo quả tươi (năm 2016) khoảng 27.000 - 30.000 đồng/kg, phơi khô khoảng 80.000 - 120.000 đồng/kg, mỗi khi thu hoạch bà con gánh xuống chợ trung tâm xã để bán. Qua khảo sát thôn Lùng Chin Hạ, xã Thèn Chu Phìn, năm 2016 toàn thôn có khoảng 46ha thảo quả, nhiều hộ có diện tích lớn như hộ trưởng thôn Ly Seo Hòa có 4ha. Song, thời tiết cũng ảnh hưởng xấu đến năng suất, thảo quả hay bị mất mùa nếu rét đậm, rét hại kéo dài kèm mưa tuyết. Theo báo cáo của lãnh đạo xã Thèn Chu Phìn, năm 2015 có khoảng 231ha thảo quả bị ảnh hưởng, nên người Hmông mất nguồn thu nhập, một số hộ tái nghèo.

Điều kiện tự nhiên nơi đây cũng rất phù hợp với những cây ăn quả như mận, đào, lê,... Hiện tại, bên cạnh giống địa phương, đồng bào đã trồng thêm một số giống cây ăn quả mới và mở rộng diện tích. Trong đó, cây mận được trồng nhiều hơn, chủ yếu loại mận tam hoa và mận máu. Giá mận tại thời điểm tháng 6/2016 dao động trong khoảng 15 - 20 nghìn đồng/kg, lái buôn thường đến các hộ gia đình đặt mua tận gốc. Tuy nhiên, theo bà con, thu nhập từ mận chưa ổn định do giá cả biến động theo từng năm. Trong hoạt động trồng trọt, người Hmông ở Hoàng Su Phì hiện nay vẫn duy trì

tập quán đổi công, nhất là vào vụ cấy lúa hoặc thu hoạch sản phẩm trên ruộng, nương. Ngoài ra, khi mùa vụ đến, một số hộ còn thuê lao động cùng địa phương với mức giá 150.000 đồng/người/ngày.

1.2. Chăn nuôi

Khác với trồng trọt, hoạt động chăn nuôi của người Hmông ở Hoàng Su Phì biến đổi chậm, vẫn chủ yếu ở phạm vi hộ gia đình. Theo tập quán, đồng bào chăn nuôi đại gia súc như trâu, bò, dê... với mục đích làm sức kéo, lấy thịt, phục vụ nghi lễ và để bán. So với trước đây, chăn nuôi hiện nay đã biến đổi, việc nuôi gia súc và gia cầm để bán xuất hiện ở hầu hết các hộ gia đình người Hmông nơi đây. Số lượng gia súc của mỗi hộ gia đình đều tăng lên nếu không bị dịch bệnh, song có sự chênh lệch giữa hộ khá giả với các hộ trung bình và nghèo. Những năm gần đây, do sự xuất hiện của các phương tiện vận chuyển cơ giới, người dân không còn nuôi ngựa để thò hàng nữa mà chuyển sang nuôi dê bởi giá trị kinh tế hơn. Nhà nào cũng nuôi gia cầm như gà, vịt, ngan, trung bình mỗi hộ có từ 10 - 15 con trở lên, với hình thức thả rông, đê nhốt chuồng. Riêng gia súc phải có người trông, thậm chí chăn dắt những con đầu đàn. Giống địa phương vẫn được ưa chuộng (nhất là lợn đen, gà đen), nguồn thức ăn cho vật nuôi chủ yếu do chúng tự tìm kiếm trong tự nhiên hoặc từ các sản phẩm trồng trọt của gia đình. Thức ăn công nghiệp đã xuất hiện nhưng chưa tác động nhiều đến cách thức chăn nuôi của người Hmông ở địa phương.

Tập quán nuôi cá chép trên ruộng bậc thang vẫn được duy trì, người Hmông thường kết hợp theo mô hình sinh thái cá - lúa. Cá chép ruộng dễ nuôi, vừa nhằm cải thiện bữa ăn vừa giúp bà con có thêm thu

nhập. Sau khi cấy lúa khoảng 3 ngày, cá chép con sẽ được thả vào ruộng, tới khi thu hoạch lúa cũng cho thu hoạch cá. Kết quả khảo sát tại xã Chiến Phố vào tháng 6/2016 cho thấy, có tới 1/3 số hộ người Hmông đang nuôi cá ruộng. Hiện nay, khi đến với Hoàng Su Phì, cá chép ruộng đã trở thành một đặc sản mà các khách du lịch đều muốn thưởng thức.

1.3. Nghề thủ công

Nghề thủ công ở người Hmông từng rất phát triển, trước đây có vai trò quan trọng trong nền kinh tế tự túc, tự cấp, gồm các nghề như dệt, rèn, mộc, đan lát,... Trước kia, người Hmông trồng lanh làm nguyên liệu dệt vải, phục vụ cho nhu cầu may mặc của gia đình. Từ Đổi mới năm 1986, đặc biệt từ 20 năm trở lại đây, người Hmông ở Hoàng Su Phì đã không còn trồng lanh; thay vào đó họ dùng vải may công nghiệp có sẵn trên thị trường với nhiều mẫu mã đẹp, nên hiện nay nghề dệt đã mai một.

Nghề rèn của đồng bào Hmông hết sức nổi tiếng với những kỹ thuật tối, khoan đạt đỉnh cao. Nhờ sự khéo léo và sáng tạo đó mà họ có thể tự rèn lấy dao, cuốc, tự đúc lưỡi cày, làm súng kíp và tạo ra đồ trang sức cho phụ nữ (Cư Hòa Vân, Hoàng Nam, 1994, tr. 59-60). Chẳng hạn, nghề đúc lưỡi cày được làm khá công phu, khuôn đúc phải bằng gỗ tốt, bên trong đắp một lớp đất sét trắng... rồi đến việc xếp các mảnh gang xen lẫn than củi, nhóm bếp lò, xem màu nước gang chảy để chọn thời điểm đúc. Kỹ thuật và kinh nghiệm rèn đúc truyền thống của người Hmông được truyền lại qua các thế hệ mà họ đúc thành những lưỡi cày rất đặc thù, có thể cày trên mọi loại hình đất dốc toàn đá tai mèo của vùng rẻo cao (Vương Duy Quang, 2005, tr. 51). Hiện nay, nghề rèn đúc

vẫn được duy trì trong các thôn bản người Hmông ở Hoàng Su Phì. Tuy nhiên, không còn nhiều gia đình gắn bó với nghề này. Qua khảo sát tại hai xã Chiến Phố và Thèn Chu Phìn, chỉ còn khoảng 20 lò rèn của người Hmông. Đúc lưỡi cày tuy đã thành sản phẩm hàng hóa nhưng còn nhỏ lẻ. Chẳng hạn, ở thôn Nhìu Sang, trong tổng số 80 hộ người Hmông chỉ còn 7 lò đúc lưỡi cày hoạt động. Do nhu cầu sử dụng nhiều và đặc thù địa hình mà mỗi lưỡi cày chỉ dùng được 1 vụ nên trước hết ngoài phục vụ bà con trong thôn, lưỡi cày còn đem bán tại chợ xã Thàng Tín (họp vào thứ tư hàng tuần) hoặc chợ Chiến Phố (họp vào thứ bảy hàng tuần) và chợ xã Bản Phùng, xã Bản Máy,... Nhìn chung, đúc lưỡi cày của người Hmông ở Hoàng Su Phì vẫn phát triển vì đáp ứng được nhu cầu thiết thực của người dân địa phương. Song, nghề này cũng đang đứng trước một thách thức là thiếu gỗ, củi làm chất đốt do diện tích rừng ngày càng bị thu hẹp.

Đan lát đối với người Hmông là việc chỉ dành cho đàn ông, nguyên liệu dùng đan lát là mây, tre, trúc... kiếm ở trên rừng, với sản phẩm tạo ra những chiếc rổ rá, ghế mây, ghế trúc, mẹt, phen, các loại bồ đựng ngô, lúa... (Vương Duy Quang, 2005, tr. 53). Đặc biệt, chiếc gùi (*luz courv*) đan bằng tre hoặc mây là vật dụng rất tiện lợi mà người Hmông dùng để đựng, đeo, mang vác và đựng các thứ cần thiết. Đến nay, nghề đan lát vẫn được duy trì và phát triển tại các điểm nghiên cứu, đặc biệt năm 2014, thôn Lùng Chin Hạ đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang công nhận là làng nghề đan *quấy tấu*⁴. Hiện tại, trong thôn có 14 hộ gia đình vẫn giữ nghề đan lát truyền thống, năm 2015 sản xuất được 1.600 chiếc *quấy tấu*, bán ra thị trường với giá từ 50.000 - 60.000đồng/chiếc, đóng góp không nhỏ trong việc cải thiện cuộc sống của

bà con người Hmông ở đây. Nhằm phát triển thế mạnh đó, trường dạy nghề ở địa phương đã tổ chức lớp tập huấn cho các hộ gia đình, một mặt để giữ gìn nghề thủ công truyền thống; mặt khác, góp phần tạo việc làm và tăng thu nhập.

Nấu rượu không chỉ phục vụ nhu cầu sử dụng hàng ngày của người Hmông ở Hoàng Su Phì, mà còn phục vụ nghi lễ hay khi gia đình có công việc quan trọng, thậm chí đem bán. Hiện tại, người Hmông ở đây vẫn tự túc nấu rượu từ nguyên liệu sẵn với men lá để dùng. Hơn nữa, các phụ phẩm từ nấu rượu còn được dùng để chăn nuôi hay làm phân bón. Theo ông Cừ Chấn Hồ (thôn Đoàn Kết), bà con Hmông chủ yếu ủ và nấu rượu sẵn cả vỏ, cứ 6 tải sẵn tươi sẽ chưng cất được 100 lít rượu.

1.4. Khai thác các nguồn lợi tự nhiên

Tập quán thu hái các nguồn lợi tự nhiên của người Hmông rất đa dạng, gồm các lâm thổ sản như củ gấu, thảo quả, đảng sâm, hà thủ ô, hoàng liên, cánh kiến, chè... (Viện Dân tộc học, 2014, tr. 406). Bên cạnh các loại cây dược liệu và hàng hóa trên, nhiều loại rau, củ, quả và động vật trong rừng cũng được người Hmông khai thác tích cực để đảm bảo an ninh lương thực. Nhìn chung, nơi nào người dân canh tác nương rẫy và còn rừng thì thường khai thác nhiều nguồn thức ăn thiên nhiên và người Hmông ở mỗi địa phương, mỗi thời điểm khác nhau sẽ khai thác những nguồn thức ăn từ thiên nhiên khác nhau (Vương Xuân Tình, 2003, tr. 11).

⁴ *Quấy tấu* là chiếc gùi (tiếng Hmông gọi *luz courv*) đan bằng mây hoặc tre mà người Hmông dùng để đựng đồ khi đi rừng hoặc lên nương rẫy, sau nhiều lần cải tiến, chiếc gùi ngày xưa được gọi *quấy tấu* như hiện nay.

Trước đây, nguồn lợi tự nhiên còn dồi dào về số lượng và chủng loại, hoạt động khai thác được tiến hành thường xuyên hơn. Song, hiện nay do đời sống của người Hmông được cải thiện cùng với sự cạn kiệt các nguồn lợi tự nhiên, nên đã giảm phần nào việc khai thác lâm thổ sản, họ chủ yếu lấy củi đun, măng, nấm, mộc nhĩ, cây thuốc chữa bệnh,... Hơn nữa, điều kiện sinh thái nay đã thay đổi, buộc đồng bào có cách ứng xử thích hợp với môi trường rừng, không chỉ khai thác nguồn lợi tự nhiên có sẵn mà phải hướng đến trồng, chăm sóc và bảo vệ rừng, khai thác có mục đích và theo quy định của Nhà nước. Các hoạt động tuyên truyền của ban quản lý rừng được triển khai thường xuyên. Vì vậy, ý thức của người Hmông về bảo vệ rừng được nâng cao, ít xảy ra các hiện tượng phá rừng nghiêm trọng. Người Hmông ở huyện Hoàng Su Phì còn được hưởng quyền lợi từ dịch vụ chi trả môi trường rừng. Chính quyền địa phương cũng khuyến khích, tạo điều kiện cho bà con trồng thảo quả trong rừng già, rừng tự nhiên nhằm cải thiện sinh kế, nhưng phải cam kết không làm ảnh hưởng đến môi trường sinh thái rừng.

1.5. Trao đổi buôn bán

Chợ hiện nay rất quan trọng đối với hoạt động mua bán của người Hmông ở Hoàng Su Phì. Qua khảo sát 2 xã cho thấy, người Hmông nơi đây thường xuyên có mặt tại các phiên chợ họp một ngày cố định trong tuần. Chẳng hạn, người Hmông xã Chiến Phố hay Thèn Chu Phìn thường đến chợ xã hoặc chợ cụm xã cũng như chợ ở thị trấn Hoàng Su Phì. Hơn nữa, hiện nay đi chợ rất thuận lợi, bởi đường sá rải nhựa, có xe máy vận chuyển hàng hóa. Ngoài việc tham gia các chợ nội địa, người Hmông nơi đây

còn đi các chợ biên mậu, chẳng hạn như chợ Cột mốc 227 ở xã Thành Tín, chợ biên giới ở xã Bản Máy,... Họ thường đem các loại nông sản gồm gạo, ngô, hoa màu hoặc đồ đan lát cũng như rên đúc ra chợ bán. Ngoài ra, các loại vật nuôi gồm gà, dê, chó... cùng các sản vật rừng như măng, nấm, mộc nhĩ, thảo quả, cây thuốc... là những mặt hàng chủ đạo. Hàng hóa tại các chợ khá đa dạng, từ những mặt hàng bên kia biên giới Trung Quốc đến các mặt hàng từ miền xuôi mang đến cộng với mặt hàng nông sản của bà con người Hmông và các tộc người cận cư. Việc mua những thứ cần thiết phục vụ nhu cầu của người dân rất thuận tiện, bởi thị trường hàng hóa đã lan tỏa đến các thôn bản người Hmông, một số mặt hàng nông sản cũng như gia súc đã có lái buôn đến thu mua tại nhà. Tại mỗi thôn/bản người Hmông cư trú, một vài hộ gia đình đã mở quán tạp hóa. Số lượng hàng hóa tuy còn nhỏ lẻ, chưa phong phú, chất lượng từng mặt hàng chưa được kiểm định, song đã góp phần đáp ứng nhu cầu thiết thực về hàng tiêu dùng của người dân trong thôn.

Buôn bán gia súc tuy không phải nghề chính nhưng là hình thức sinh kế thể hiện tính năng động của người Hmông ở Hoàng Su Phì nói riêng và người Hmông ở Hà Giang nói chung. Tại đây, hình thành những chợ gia súc tập hợp lái buôn từ mọi địa phương để giới thiệu và bán cho người có nhu cầu mua gia súc lấy sức kéo hay chăn nuôi. Chẳng hạn ở thôn Nhìu Sang, xã Chiến Phố hiện tại có khoảng 8 hộ gia đình tham gia buôn bán trâu, bò và dê đã được 20 năm. Những hộ này lập thành nhóm, mỗi nhóm 2 người cùng đi buôn chuyến. Nguồn gia súc thường mua từ xã Bản Phùng, Bản Máy, Túng Sán hay ở huyện Bắc Quang thuộc tỉnh Hà Giang, thậm chí đến tận huyện Hàm Yên

của tỉnh Tuyên Quang để tìm mua. Nếu gom được từ 3-4 con trở lên sẽ thuê xe chở đến nơi bán cho lái buôn trong vùng hoặc người Trung Quốc. Địa điểm tập kết trâu bò trong vùng là xã Thành Tín hay xã Xín Mần (huyện Xín Mần), gần mốc 5 và mốc 10 biên giới Việt - Trung. Mạng lưới buôn bán gia súc ngày càng được mở rộng, không chỉ trong nội địa mà còn qua biên giới.

2. Tác động của yếu tố chính sách tới sự biến đổi sinh kế

Hoạt động sinh kế hiện nay của người Hmông ở Hoàng Su Phì phản ánh kết quả thực hiện các chương trình, chính sách của Nhà nước với mục đích cải thiện đời sống các tộc người thiểu số, trong đó có người Hmông trên địa bàn huyện. Trước 1986, một số chính sách lớn, trọng điểm có tác động tới sinh kế của người Hmông phải kể đến chính sách định canh định cư bắt đầu từ năm 1968. Bên cạnh đó, thời kỳ xây dựng hợp tác xã nông nghiệp cũng thúc đẩy người Hmông giao lưu với các tộc người trong vùng, thi đua lao động sản xuất. Đặc biệt, gần đây là Luật Đất đai (năm 1993 và sửa đổi năm 2003), Chương trình 135, 134, dự án hỗ trợ giảm nghèo... có ý nghĩa rất thiết thực với đời sống các dân tộc trên địa bàn huyện Hoàng Su Phì. Khảo sát người Hmông ở hai xã Chiến Phố và Thèn Chu Phìn vào 6/2016 cho thấy, hầu hết các hộ nghèo đều được hỗ trợ tiền mua giống cây trồng, vật nuôi, xây bể nước sinh hoạt, vốn sản xuất thông qua hợp tác xã dịch vụ. Hàng năm, hợp tác xã cung ứng giống lúa Cương ưu 725 và giống ngô NK66, lúa giống được trợ giá 40.000 đồng/kg, ngô giống là 30.000 đồng/kg. Ngoài ra, đồng bào còn được cung ứng phân bón để gieo trồng kịp thời vụ. Hiện nay, 100% người Hmông ở Hoàng Su Phì áp dụng trồng

giống lúa lai, ngô lai cho năng suất cao do Nhà nước cấp hoặc mua tại các đại lý vật tư tại địa phương.

Với lợi thế về điều kiện tự nhiên và khí hậu, người Hmông ở Hoàng Su Phì có thêm thu nhập từ trồng cây thảo quả. Thấy được hiệu quả của loại cây trồng này, Chương trình 135 giai đoạn II tiếp tục có chính sách hỗ trợ về vốn, kỹ thuật như cung cấp giống thảo quả lai cho năng suất cao, hướng dẫn bà con trồng xen kẽ dưới tán rừng nhưng không được phát quang cây bụi hoặc đốt các loại thảo mộc dưới tán rừng ấy. Nhờ đó, diện tích cây thảo quả ngày càng tăng lên, làm cho đời sống của người Hmông xã Thèn Chu Phìn nói riêng, huyện Hoàng Su Phì nói chung được cải thiện hơn. Bên cạnh đó, Chương trình 135 luôn quan tâm hỗ trợ cho những thôn thuộc xã biên giới, chẳng hạn như các thôn Lùng Chín Hạ và Lùng Chín Thượng của xã Thèn Chu Phìn... làm kênh mương dẫn nước vào đồng ruộng. Năm 2010, hầu hết các xã được phủ sóng điện thoại, tạo điều kiện để người Hmông đảm bảo thông tin liên lạc, có chiến lược tiếp cận và thích ứng với kinh tế thị trường.

Dự án hỗ trợ giảm nghèo trong những năm qua đã cho bà con vay vốn từ Quỹ Phát triển cộng đồng. Nhờ đó, người dân không chỉ có điều kiện áp dụng các mô hình kinh tế mới, mà còn được tập huấn chuyển giao khoa học kỹ thuật trồng trọt và chăn nuôi. Chẳng hạn, mô hình hỗ trợ trồng su su lấy ngọn, mô hình nuôi gà đen, nuôi chim bồ câu ở thôn Cáo Phìn (xã Thèn Chu Phìn). Song, do các dự án mới được triển khai tại một vài thôn nên hiệu quả chưa cao, chủ yếu cải thiện đời sống sinh hoạt của hộ gia đình là chính. Tuy vậy, việc khuyến khích làng nghề đan lát, nhất là đan gùi (*quấy tấu*) đang có hiệu

quả tích cực, chính quyền địa phương kết hợp với trường dạy nghề mở lớp tập huấn cho các hộ gia đình nâng cao tay nghề trong sản xuất hàng mây tre đan, duy trì làng nghề tại thôn Lũng Chín Hạ và nhiều thôn thuộc xã khác, vừa giúp người dân có thêm thu nhập, vừa thúc đẩy phát triển nghề truyền thống ở địa phương.

3. Một vài nhận xét

Vùng đất biên giới Hoàng Su Phì đang đổi thay theo thời gian. Phát triển các ngành nghề phù hợp với địa phương, đa dạng hóa nguồn thu nhập là hướng đi đúng đắn trong phát triển sinh kế của người Hmông ở huyện Hoàng Su Phì trong bối cảnh hiện nay. Hệ thống cây trồng có nhiều chuyển biến, cải thiện đáng kể về năng suất, sản lượng và đang hướng dần đến sản phẩm hàng hóa. Trong các nghề thủ công gia đình, đan lát rất có triển vọng và cần được hỗ trợ đầu tư hơn nữa trong thời gian tới. Hoạt động trao đổi buôn bán đã phần nào cải thiện thu nhập, thể hiện sự năng động của người dân với nền kinh tế thị trường. Hoạt động chăn nuôi chưa có bước đột phá, tập quán chăn nuôi truyền thống vẫn được duy trì nên hiệu quả chưa cao. Dù sinh kế của người Hmông nơi đây vẫn chủ yếu gắn bó với những thửa ruộng bậc thang, nhưng an ninh lương thực của hộ được đảm bảo, đói nghèo dần được đẩy lùi. Ngoài sự nỗ lực của người Hmông thì việc hỗ trợ của Nhà nước thông qua các chương trình, dự án đầu tư phát triển, nhất là cơ sở hạ tầng cho miền núi trong thời gian qua là một nguồn lực hết sức quan trọng tạo nên sự chuyển biến này.

Tài liệu tham khảo

1. Ban chỉ đạo Tổng điều tra dân số và nhà ở Trung ương (2010), *Tổng điều tra*

dân số và nhà ở Việt Nam năm 2009, Kết quả toàn bộ, Nxb. Thống kê, Hà Nội.

2. Bế Viết Đăng (1989), “Sự phát triển kinh tế - xã hội vùng cao và công cuộc định canh định cư ở người Hmông”, *Tạp chí Dân tộc học*, Số 2-3, tr. 8-19.

3. Nguyễn Văn Minh (1994), “Cây thuốc phiện trong đời sống của người Hmông”, *Tạp chí Dân tộc học*, Số 4, tr. 47-54.

4. Nguyễn Anh Ngọc (1980), “Cây ngô với cuộc sống của người Hmông vùng cao núi đá Hà Tuyên”, *Tạp chí Dân tộc học*, Số 4, tr. 47-52 và 60.

5. Phòng Dân tộc huyện Hoàng Su Phì (2015), *Bảng thống kê dân số, dân tộc đến cấp xã trên địa bàn huyện Hoàng Su Phì*.

6. Vương Duy Quang (2005), *Văn hóa tâm linh người Hmông ở Việt Nam - Truyền thống và hiện tại*, Nxb. Văn hóa - Thông tin, Hà Nội.

7. Nguyễn Đức Thắng (1998), “Vấn đề chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở vùng người Hmông Bắc Hà”, *Tạp chí Dân tộc học*, Số 1, tr. 9-16.

8. Vương Xuân Tình (2003), “Hệ thống thức ăn của người Hmông trong bối cảnh an toàn lương thực”, *Tạp chí Dân tộc học*, Số 1, tr. 3-19.

9. Vương Xuân Tình (2004), “Những linh hồn bị cám dỗ”, *Tạp chí Dân tộc và Thời đại*, Số 67, tr. 6-7 và 13.

10. Cư Hòa Vần, Hoàng Nam (1994), *Dân tộc Mông ở Việt Nam*, Nxb. Văn hóa Dân tộc, Hà Nội.

11. Viện Dân tộc học (2014), *Các dân tộc ít người ở Việt Nam (các tỉnh phía Bắc)*, (tái bản lần 1 có sửa chữa, bổ sung), Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.